



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**  
**THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL**  
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

**TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 59 - Đức Giang - Long Biên - Hà Nội

Tel: 043 8770 643 Fax: 043 8271 896

---

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11-32

2022  
ĐANG  
NHIỆM  
DÂN VÀ  
ỆT N  
'4Y -

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

### Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Hoàng Vệ Dũng	Chủ tịch
Ông Phạm Đức Long	Ủy viên
Ông Phạm Tiến Lâm	Ủy viên
Bà Đào Thị Bích Khánh	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Ủy viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Phạm Tiến Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Trung Đông	Phó Tổng giám đốc
Ông Dương Văn Thảo	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Đức Chiến	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Thanh Tùng	Phó Tổng giám đốc
Ông Đinh Đức Hải	Kế toán trưởng

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

*(tiếp theo)*

cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

*Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,*

**TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CỔ PHẦN**



**Phạm Tiến Lâm**

**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2015*

Số: *ND*-15/BC-TC/I-VAE

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2015

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi :** Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 15/03/2015, từ trang 6 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

## Vấn đề khác

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 ngày 28/11/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thì vốn điều lệ của Công ty là 51.855.000.000 đồng. Đến thời điểm 31/12/2014, số vốn thực góp của Tổng Công ty là 61.811.600.000 đồng. Tuy nhiên Tổng Công ty chưa thực hiện thay đổi đăng ký kinh doanh theo số vốn góp mới.

Như đã thuyết minh ở mục V.15 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, Tổng Công ty đang thực hiện tạm phân phối lợi nhuận năm 2014 nhưng chưa có sự phê duyệt của Hội đồng quản trị cũng như đại hội đồng cổ đông.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần giữ 05 bản Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



  
\_\_\_\_\_  
**Phạm Hùng Sơn**  
Phó Tổng giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1

  
\_\_\_\_\_

**Ngô Bá Duy**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>547.538.492.272</b>	<b>493.653.366.119</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1.</b>	<b>174.943.210.691</b>	<b>148.777.849.376</b>
1 Tiền	111		26.243.952.242	36.107.314.417
2 Các khoản tương đương tiền	112		148.699.258.449	112.670.534.959
<b>II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2.</b>	<b>4.000.000.000</b>	-
1 Đầu tư ngắn hạn	121		4.000.000.000	-
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>219.751.048.628</b>	<b>142.961.415.786</b>
1 Phải thu của khách hàng	131	VIII.2.1	190.672.730.276	128.848.718.727
2 Trả trước cho người bán	132	VII.3.2	20.356.429.187	4.685.610.628
5 Các khoản phải thu khác	135	V.3.	9.656.697.415	9.685.387.551
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(934.808.250)	(258.301.120)
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>117.132.496.137</b>	<b>168.500.180.230</b>
1 Hàng tồn kho	141	V.4.	117.132.496.137	168.500.180.230
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>31.711.736.816</b>	<b>33.413.920.727</b>
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		31.596.381.921	27.050.838.221
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.11	18.000.000	18.000.000
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VII.3.3	97.354.895	6.345.082.506
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>93.821.340.450</b>	<b>88.989.549.379</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>24.857.032.074</b>	<b>22.404.217.962</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.5.	24.464.240.256	22.215.971.598
- Nguyên giá	222		60.589.482.279	56.345.981.039
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36.125.242.023)	(34.130.009.441)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.6.	-	-
- Nguyên giá	228		1.376.124.616	1.376.124.616
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.376.124.616)	(1.376.124.616)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7.	392.791.818	188.246.364
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.8.</b>	<b>67.336.143.847</b>	<b>65.546.821.561</b>
1 Đầu tư vào công ty con	251		10.000.000.000	10.000.000.000
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		58.213.473.009	51.753.671.009
3 Đầu tư dài hạn khác	258		5.000.000.000	5.000.000.000
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(5.877.329.162)	(1.206.849.448)
<b>V Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.628.164.529</b>	<b>1.038.509.856</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9.	1.628.164.529	1.038.509.856
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>641.359.832.722</b>	<b>582.642.915.498</b>

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>512.705.644.204</b>	<b>456.505.013.996</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>510.183.682.630</b>	<b>454.013.052.422</b>
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10.	34.833.483.336	7.379.750.000
2 Phải trả người bán	312	VII.3.4	430.194.063.177	403.575.555.354
3 Người mua trả tiền trước	313	VII.3.5	14.436.983.036	22.185.578.259
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11.	1.978.669.424	2.431.602.137
5 Phải trả người lao động	315		10.107.117.842	12.316.006.071
6 Chi phí phải trả	316	V.12.	750.483.276	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13.	3.174.465.127	2.924.660.001
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		6.591.799.326	-
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		8.116.618.086	3.199.900.600
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.521.961.574</b>	<b>2.491.961.574</b>
3 Phải trả dài hạn khác	333	VII.3.6	41.797.221	11.797.221
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.14.	2.480.164.353	2.480.164.353
<b>B VỐN CHỦ SỞ HỮU(400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>128.654.188.518</b>	<b>126.137.901.502</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15.</b>	<b>128.553.198.518</b>	<b>126.036.911.502</b>
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		61.811.600.000	61.811.600.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		-	10.000.000.000
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		3.158.493.310	3.158.493.310
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		16.634.447.420	15.033.599.849
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		14.395.665.138	10.631.411.567
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		32.552.992.650	25.401.806.776
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>100.990.000</b>	<b>100.990.000</b>
2 Nguồn kinh phí	432	V.16.	100.990.000	100.990.000
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>641.359.832.722</b>	<b>582.642.915.498</b>

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)



**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	1.860.480.000	1.550.400.000
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận kí gửi, ký cược	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
5. Ngoại tệ các loại	997.151,59	1.579.941,37

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2015

**TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Người lập

**Nguyễn Thị Vân Oanh**

Trưởng phòng kế toán

**Đinh Đức Hải**

Tổng Giám đốc



**Phạm Tiến Lâm**

Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	TM	Năm 2014	Năm 2013
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.17.	1.833.418.121.494	1.576.913.387.606
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.18.	8.161.203.702	55.959.400
<b>3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>VI.19.</b>	<b>1.825.256.917.792</b>	<b>1.576.857.428.206</b>
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.20.	1.697.348.900.822	1.479.552.386.661
<b>5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>127.908.016.970</b>	<b>97.305.041.545</b>
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21.	30.465.064.296	16.343.561.396
7 Chi phí tài chính	22	VI.22.	12.255.024.134	5.782.762.042
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		677.410.875	1.008.910.216
8 Chi phí bán hàng	24	VII.3.7	39.947.193.426	39.665.158.900
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.3.8	65.002.255.256	48.358.455.782
<b>10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>41.168.608.450</b>	<b>19.842.226.217</b>
11 Thu nhập khác	31	VII.3.9	1.031.249.375	1.212.968.832
12 Chi phí khác	32	VII.3.10	539.564	648.855.881
<b>13 Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>1.030.709.811</b>	<b>564.112.951</b>
<b>14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>42.199.318.261</b>	<b>20.406.339.168</b>
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.23.	4.556.782.546	5.015.780.266
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>37.642.535.715</b>	<b>15.390.558.902</b>
<b>18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.26</b>	-	-

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2015

**TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Người lập

Trưởng phòng kế toán

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Vân Oanh

Đinh Đức Hải

Phạm Tiến Lâm

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm 2014	Năm 2013
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu	01		1.766.167.664.719	1.486.642.728.176
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.680.795.646.883)	(1.565.051.602.297)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(36.073.595.483)	(32.478.712.160)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(2.299.641.841)	(997.006.494)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(4.855.115.128)	(6.850.788.092)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		34.926.870.279	81.805.212.687
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(50.028.747.530)	(28.805.493.357)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>27.041.788.133</b>	<b>(65.735.661.537)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(653.144.545)	(1.123.334.800)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	35.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.000.000.000)	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(6.000.000.000)	(5.576.450.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	2.501.240.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.917.934.041	10.966.354.886
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(8.735.210.504)</b>	<b>6.802.900.995</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(578.536.303)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		241.278.744.609	187.887.765.684
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(214.876.480.322)	(205.458.047.306)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(18.543.480.601)	(11.149.560.825)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>7.858.783.686</b>	<b>(29.298.378.750)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>26.165.361.315</b>	<b>(88.231.139.292)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>148.777.849.376</b>	<b>236.606.930.240</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	402.058.428
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>174.943.210.691</b>	<b>148.777.849.376</b>

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2015

**TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Người lập

Trưởng phòng kế toán

Tổng Giám đốc







Nguyễn Thị Vân Oanh

Đinh Đức Hải

Phạm Tiến Lâm

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Công ty May Đức Giang trực thuộc Tổng Công ty Dệt may Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 221/CNN/TCLĐ ngày 24/03/1993 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nhẹ và chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần từ ngày 01/01/2006 theo Quyết định số 2882/QĐ-BCN ngày 13/09/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 28/12/2005. Công ty có 3 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 ngày 28/11/2009 thì vốn điều lệ của Tổng Công ty là: **51.855.000.000 đồng** (Năm mươi một tỷ, tám trăm năm mươi lăm triệu đồng).

**2. Ngành nghề kinh doanh**

Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm dệt may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng, linh kiện ngành dệt may; Thu gom rác thải không độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại; Tái chế phế liệu;

Kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, hải sản, thực phẩm công nghệ;

Kinh doanh các sản phẩm dân dụng, thiết bị văn phòng, phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, điện lạnh, cao su;

Nhập khẩu sắt thép, gỗ, máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu cho sản xuất kinh doanh, kinh doanh kim loại màu (kẽm, đồng, nhôm, chì) làm nguyên liệu cho sản xuất;

Kinh doanh vận tải đường bộ và đường thủy, dịch vụ xuất nhập khẩu;

Kinh doanh bất động sản, xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà làm văn phòng, trung tâm thương mại, siêu thị và nhà ở;

Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, lưu trú du lịch, kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar).

Địa chỉ: Số 59 - Đức Giang - Long Biên - Hà Nội

Tel: 043 8770 643 Fax: 043 8271 896

**II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

**Áp dụng hướng dẫn kế toán**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phát sinh.

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phát sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán Fast.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền của Tổng Công ty là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.

**Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán**

Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh.

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính.

**2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá hàng xuất kho: Theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Tại thời điểm 31/12/2014, Tổng Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

- Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

**3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ****3.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Tổng Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với TSCĐ hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty gồm:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao &lt;năm&gt;</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
- Máy móc thiết bị	05 - 06
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07
- Tài sản cố định khác	03 - 06

**3.2. Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là lợi thế kinh doanh.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 Hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Tổng Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết, các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư, hoặc ngày mua cổ phiếu.

Dự phòng tổn thất khoản đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty CP May Đức Hạnh được lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính.

### 6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước dài hạn của đơn vị được ghi nhận theo thực tế phát sinh sau đó phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kì, bao gồm các chi phí công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng trên một năm;

### 7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Tổng Công ty là chi phí gia công đã thực hiện được ghi nhận dựa theo hợp đồng và các chi phí tập hợp nhưng chưa có hóa đơn GTGT.

### 8. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp ghi nhận dự phòng phải trả

Khoản dự phòng phải trả của Tổng Công ty là dự phòng tiền lương phải trả người lao động. Tổng Công ty đang trích 17% quỹ lương thực hiện trong năm.

### 9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Tổng Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

### 10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá là hàng may mặc, thang máy, vải tiết kiệm,... Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, thu cổ tức và doanh thu gia công

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ việc thu cổ tức được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức, căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng cổ đông, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu gia công được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

### 11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chi phí trích lập dự phòng các khoản đầu tư dài hạn, chênh lệch tỷ giá.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

### 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

### 13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

#### 13.1 Ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng của bên bán.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Khoản phải thu khác được ghi nhận căn cứ theo hợp đồng, hóa đơn mua vào của bên bán.

#### *Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi*

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

#### 13.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Tổng Công ty là chi phí Xây dựng công trình Nhà liên cơ - Tổng Công ty Đức Giang. Các tài sản này đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

### 14. Các nghĩa vụ về thuế

#### *Thuế giá trị gia tăng (GTGT)*

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 0% đối với các lô hàng xuất khẩu, 10% đối với các lô hàng khác.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Tổng Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế TNDN của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này, thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

#### *Thuế khác*

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Phần thuê đất trong năm đơn vị được giảm theo Công văn số 52/TB-TCT-NPTB & TK ngày 23/4/2014 của Chi cục Thuế Quận Long Biên về việc giảm 50% tiền thuê đất cho năm 2014 với giá trị là 3.616.199.956 đồng.

### 15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ gia công được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Tiền mặt</b>	<b>198.360.509</b>	<b>147.514.436</b>
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>26.045.591.733</b>	<b>35.772.239.981</b>
VND		
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Chương Dương	4.189.725.411	1.710.183.326
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN - CN Bắc Hà Nội	14.894.882	14.852.407
Ngân hàng TMCP Quân Đội- CN Long Biên	96.250.844	95.914.872
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam- CN Chương Dương	2.279.042	3.045.617
Ngân hàng TMCP An Bình- CN Hà Nội	142.596.812	51.294.406
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	59.769.418	14.414.985
Công ty Cổ phần Chứng khoán phố WALL	-	369.552.158
Ngân hàng TMCP Dầu khí toàn cầu - PGD Đông Đô	-	43.661.588
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân	112.220.707	116.757.147
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	122.558.588	26.221.785
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam- CN Ba Đình	517.951	-
USD		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- CN Chương Dương	9.035.062.447	19.976.974.394
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam- CN Bắc Hà Nội	127.233.618	125.612.201
Ngân hàng VID Public Bank	43.373.509	43.151.603
Ngân hàng TMCP Quân Đội- CN Long Biên	89.889.412	88.621.163
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam- CN Chương Dương	64.891.914	64.751.647
Ngân hàng TMCP An Bình- CN Hà Nội	2.978.893.359	831.174.668
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	8.505.651.053	56.747.405
Ngân hàng TMCP Dầu khí toàn cầu PGD Đông Đô	-	4.148.539
Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex - CN Thăng Long	-	7.196.307
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân	184.152.038	10.607.439.692
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	192.985.697	1.502.722.240
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam- CN Ba Đình	82.645.031	-
<b>Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)</b>	<b>148.699.258.449</b>	<b>112.670.534.959</b>
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội	118.699.258.449	63.931.899.378
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Chương Dương	10.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Thanh Xuân	20.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội (USD)	-	33.738.635.581
<b>Tiền đang chuyển</b>	<b>-</b>	<b>187.560.000</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>174.943.210.691</b>	<b>148.777.849.376</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Công ty CP Lạc Thủy (*)	4.000.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>-</b>
(*) Cho vay theo hợp đồng số 01 ngày 11/12/2014 với lãi suất 4,5%/năm, thời hạn vay 12 tháng		
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế GTGT chờ kê khai	9.270.438.447	9.458.612.645
Các đối tượng khác	386.258.968	226.774.906
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.656.697.415</b>	<b>9.685.387.551</b>
4. Hàng tồn kho	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Nguyên liệu, vật liệu	26.142.849.942	22.174.753.456
Công cụ, dụng cụ	-	1.793.659
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	48.317.215.856	76.019.715.645
Thành phẩm	42.463.121.938	69.232.138.972
Hàng hoá	161.040.828	1.057.953.432
Hàng gửi đi bán	48.267.573	13.825.066
<b>Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>117.132.496.137</b>	<b>168.500.180.230</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

**5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư ngày 01/01/2014	45.652.943.127	6.207.262.557	1.049.743.992	3.436.031.363	56.345.981.039
Mua trong năm	-	3.897.250.908	56.660.000	854.401.545	4.808.312.453
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(342.113.143)	(222.698.070)	-	(564.811.213)
Giảm khác (*)	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2014	45.652.943.127	9.762.400.322	883.705.922	4.290.432.908	60.589.482.279
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư ngày 01/01/2014	24.514.129.732	5.561.174.744	1.013.714.560	3.040.990.405	34.130.009.441
Khấu hao trong năm	1.271.860.515	954.969.482	54.611.475	278.602.323	2.560.043.795
Thanh lý, nhượng bán	-	(342.113.143)	(222.698.070)	-	(564.811.213)
Giảm khác (*)	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2014	25.785.990.247	6.174.031.083	845.627.965	3.319.592.728	36.125.242.023
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2014	21.138.813.395	646.087.813	36.029.432	395.040.958	22.215.971.598
Tại ngày 31/12/2014	19.866.952.880	3.588.369.239	38.077.957	970.840.180	24.464.240.256

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 25.004.870.613 VND

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

**6. Tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Lợi thế kinh doanh	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư ngày 01/01/2014	1.376.124.616	1.376.124.616
Mua trong năm	-	-
Số dư ngày 31/12/2014	1.376.124.616	1.376.124.616
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư ngày 01/01/2014	1.376.124.616	1.376.124.616
Khấu hao trong năm	-	-
Số dư ngày 31/12/2014	1.376.124.616	1.376.124.616
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2014	-	-
Tại ngày 31/12/2014	-	-

**7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Công trình nhà liên cơ - Tổng Công ty Đức Giang	392.791.818	188.246.364
<b>Tổng cộng</b>	<b>392.791.818</b>	<b>188.246.364</b>

**8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị (VND)
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	-	<b>67.336.143.847</b>	-	<b>65.546.821.561</b>
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	-	<b>10.000.000.000</b>	-	<b>10.000.000.000</b>
Công ty TNHH May Đức Giang	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh</b>		<b>58.213.473.009</b>		<b>51.753.671.009</b>
Công ty CP SXTM, đầu tư Việt Thanh	275.881	2.758.812.000	229.901	2.299.010.000
Công ty CP Thời trang phát triển Cao	560.000	5.600.000.000	560.000	5.600.000.000
Công ty CP Bình Mỹ	857.645	8.576.450.000	857.645	8.576.450.000
Công ty CP Máy Đức Hạnh	900.000	9.000.000.000	900.000	9.000.000.000
Công ty TNHH May Hưng Nhân	1.020.000	10.200.000.000	1.020.000	10.200.000.000
Công ty TNHH may và TM Việt Thành	707.821	7.078.211.009	707.821	7.078.211.009
Công ty CP TM và đầu tư Đức Giang	900.000	9.000.000.000	900.000	9.000.000.000
Công ty CP Lạc Thủy	600.000	6.000.000.000	-	-
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>5.000.000.000</b>		<b>5.000.000.000</b>
Công ty Bảo hiểm Hàng Không	500.000	5.000.000.000	500.000	5.000.000.000

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(5.877.329.162)	-	(1.206.849.448)
Công ty CP May Đức Hạnh	-	(5.877.329.162)	-	(1.206.849.448)

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 31/12/2014 như sau:

	Tỷ lệ vốn góp theo cam kết	Tỷ lệ thực góp	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị khoản đầu tư tại 31/12/2014
Công ty CP SXTM đầu tư Việt Thanh	23%	23%	23%	2.758.812.000
Công ty CP Thời trang phát triển cao	28%	28%	28%	5.600.000.000
Công ty CP Bình Mỹ	21%	21%	21%	8.576.450.000
Công ty CP May Đức Hạnh	30%	30%	30%	9.000.000.000
Công ty TNHH May Hưng Nhân	34%	34%	34%	10.200.000.000
Công ty TNHH may và TM Việt Thành	35%	35%	35%	7.078.211.009
Công ty CP TM và đầu tư Đức Giang	49%	49%	49%	9.000.000.000

9. Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trả trước chi phí thuê xe ô tô	190.000.000	210.000.000
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.310.488.599	38.006.681
Chi phí trả trước khác	127.675.930	790.503.175
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.628.164.529</b>	<b>1.038.509.856</b>

10. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>34.833.483.336</b>	<b>7.379.750.000</b>
USD		
Ngân hàng TMCP XNK VN (Eximbank) CN Ba Đình (*)	4.510.316.248	-
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Chương Dương (**)	30.323.167.088	7.379.750.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>34.833.483.336</b>	<b>7.379.750.000</b>

(\*) Hợp đồng tín dụng số 1700-LAW-201400363 ngày 28/03/2014. Hạn mức tín dụng là 110.000.000.000 đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn giải ngân đến hết 28/03/2015. Lãi suất cho vay áp dụng cho từng lần giải ngân và được điều chỉnh 01 tháng 1 lần.

(\*\*) Hợp đồng tín dụng số 01/2013-HĐTDHM/NHCT128-DUGARCO ngày 23/12/2013 với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Chương Dương, hạn mức cho vay là 100.000.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 23/12/2013 đến 15/12/2014, lãi suất quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Đã nhận nợ theo giấy nhận nợ số 01 ngày 23/12/2013 số tiền 350.000 USD, thời hạn 3 tháng, lãi suất 3,2%.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

**11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2014	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2014
Thuế GTGT đầu ra	(18.000.000)	-	-	(18.000.000)
Thuế GTGT hàng NK	-	25.152.406	25.152.406	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	10.151.401	10.151.401	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.915.380.266	4.556.782.546	4.855.115.128	1.617.047.684
Thuế thu nhập cá nhân	516.221.871	1.323.718.246	1.478.318.377	361.621.740
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.452.402.656	3.452.402.656	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Tổng cộng thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>	<b>18.000.000</b>			<b>18.000.000</b>
<b>Tổng cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>2.431.602.137</b>			<b>1.978.669.424</b>

**12. Chi phí phải trả**

31/12/2014  
VND

01/01/2014  
VND

Chi phí gia công

750.483.276

-

**Tổng cộng**

**750.483.276**

-

**13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

31/12/2014  
VND

01/01/2014  
VND

Kinh phí công đoàn

1.012.964.615

828.289.663

Kinh phí hoạt động công tác đảng

589.306.875

524.371.885

Các khoản phải trả, phải nộp khác

1.563.737.481

1.563.737.481

*Lãi vay dài hạn phải trả cá nhân*

1.335.307.594

1.335.307.594

*Lãi trái phiếu, cổ phiếu*

228.429.887

228.429.887

Dư Có TK 138

8.456.156

8.260.972

**Tổng cộng**

**3.174.465.127**

**2.924.660.001**

**14. Vay và nợ dài hạn**

31/12/2014  
VND

01/01/2014  
VND

VND

*Vay dài hạn của CBCNV (\*)*

2.394.856.040

2.394.856.040

USD

*Vay Prominent Apparel Limited*

85.308.313

85.308.313

**Tổng cộng**

**2.480.164.353**

**2.480.164.353**

(\*) Vay dài hạn là các khoản huy động vốn của cán bộ nhân viên trong Tổng Công ty. Những khoản huy động từ năm 2001 và 2005 theo Quyết định số 456/QĐ của Tổng Giám đốc ngày 28/01/2001 và Quyết định số 297/QĐ - VP ngày 30/03/2005, các khoản vay này không có hợp đồng, lãi suất là 0%.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**15. Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

**15.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỉ giá hối đoái	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư tại ngày 01/01/2013</b>	<b>61.811.600.000</b>	<b>10.578.536.303</b>	-	<b>3.158.493.310</b>	<b>26.254.354.493</b>	<b>101.802.984.106</b>
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	15.390.958.902	<b>15.390.958.902</b>
- Tặng khác	-	-	638.912.042	-	-	<b>638.912.042</b>
- Phân phối quỹ	-	-	-	-	(4.617.287.670)	<b>(4.617.287.670)</b>
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(11.154.310.000)	<b>(11.154.310.000)</b>
- Giảm khác	-	(578.536.303)	(638.912.042)	-	(471.908.949)	<b>(1.689.357.294)</b>
<b>Số dư tại ngày 31/12/2013</b>	<b>61.811.600.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	-	<b>3.158.493.310</b>	<b>25.401.806.776</b>	<b>100.371.900.086</b>
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	37.642.535.715	<b>37.642.535.715</b>
- Tặng khác	-	-	647.327.484	-	-	<b>647.327.484</b>
- Phân phối quỹ	-	-	-	-	(11.768.491.428)	<b>(11.768.491.428)</b>
- Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(18.543.480.601)	<b>(18.543.480.601)</b>
- Giảm khác	-	(10.000.000.000)	(647.327.484)	-	(179.377.812)	<b>(10.826.705.296)</b>
<b>Số dư tại ngày 31/12/2014</b>	<b>61.811.600.000</b>	-	-	<b>3.158.493.310</b>	<b>32.552.992.650</b>	<b>97.523.085.960</b>

(\*) Công ty đang tạm phân phối lợi nhuận mà chưa có Nghị quyết ĐHĐCĐ

**15.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	22.740.680.000	22.740.680.000
Công ty CP Chứng khoán Phố Wall	8.349.800.000	8.349.800.000
Công ty TNHH Du lịch Mỹ Việt	3.578.500.000	3.578.500.000
Vốn góp của các đối tượng khác	27.142.620.000	27.142.620.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>61.811.600.000</b>	<b>61.811.600.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

**15.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>61.811.600.000</b>	<b>61.811.600.000</b>
Vốn góp đầu năm	61.811.600.000	61.811.600.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	61.811.600.000	61.811.600.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>18.543.480.601</b>	<b>13.031.390.000</b>

**15.4 Cổ phiếu**

	Năm 2014	Năm 2013
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.181.160	6.181.160
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.181.160	6.181.160
- Cổ phiếu phổ thông	6.181.160	6.181.160
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.181.160	6.181.160
- Cổ phiếu phổ thông	6.181.160	6.181.160
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

**15.5 Các quỹ của công ty**

	01/01/2014	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2014
Quỹ đầu tư phát triển	15.033.599.849	1.600.847.571	-	16.634.447.420
Quỹ dự phòng tài chính	10.631.411.567	3.764.253.571	-	14.395.665.138
<b>Tổng Tổng cộng</b>	<b>25.665.011.416</b>	<b>5.365.101.142</b>	<b>-</b>	<b>31.030.112.558</b>

**(\*) Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp đang tạm phân phối từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Tổng Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.
- Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Tổng Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị (hoặc đại diện chủ sở hữu). Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

**16. Nguồn kinh phí**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
<b>Nguồn kinh phí còn lại đầu năm</b>	<b>100.990.000</b>	<b>100.990.000</b>
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	-



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Chi sự nghiệp	-	-
<b>Nguồn kinh phí còn lại cuối năm</b>	<b>100.990.000</b>	<b>100.990.000</b>
<b>VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>		
<b>17. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu bán hàng hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ	1.833.418.121.494	1.576.913.387.606
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.833.418.121.494</b>	<b>1.576.913.387.606</b>
<b>18. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng bán bị trả lại	8.161.203.702	55.959.400
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.161.203.702</b>	<b>55.959.400</b>
<b>19. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu thuần bán hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ	1.825.256.917.792	1.576.857.428.206
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.825.256.917.792</b>	<b>1.576.857.428.206</b>
<b>20. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn của hàng hoá, sản phẩm đã bán, dịch vụ	1.697.348.900.822	1.479.552.386.661
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.697.348.900.822</b>	<b>1.479.552.386.661</b>
<b>21. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.917.934.041	10.621.536.776
Cổ tức, lợi nhuận được chia	22.057.172.807	344.818.110
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.842.629.964	5.377.206.510
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	647.327.484	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>30.465.064.296</b>	<b>16.343.561.396</b>
<b>22. Chi phí tài chính</b>	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền vay	677.410.875	1.008.910.216

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	652.205.352
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.907.133.545	2.967.603.744
Lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán	-	3.313.950.000
Hoàn nhập các khoản dự phòng đầu tư tài chính	-	(2.186.426.212)
Chi phí tài chính khác	-	26.518.942
Trích lập dự phòng khoản đầu tư tài chính	4.670.479.714	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.255.024.134</b>	<b>5.782.762.042</b>

**23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	1.856.753.231.463	1.594.069.140.324
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	1.814.553.913.202	1.574.007.619.266
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	42.199.318.261	20.061.521.058
Cổ tức nhận được ko phải tính thuế	21.597.370.807	-
Chi phí bị loại (dự phòng ko có thư XN)	110.700.480	-
Lợi nhuận tính thuế	20.712.647.934	20.061.521.058
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.556.782.546	5.015.380.266

**25. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.088.916.280	1.460.709.514
Chi phí nhân công	46.090.048.586	35.621.455.193
Chi phí công cụ dụng cụ	666.298.834	476.874.445
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.560.043.795	1.863.033.592
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.714.819.712	23.521.078.950
Chi phí khác bằng tiền	19.625.043.733	22.613.332.590
<b>Tổng cộng</b>	<b>97.745.170.940</b>	<b>85.556.484.284</b>

**26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên báo cáo tài chính này mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**27. Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.10 và V.14, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ Tổng cộng và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính trình bày tại Thuyết minh số IV.

**Các loại Công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	174.943.210.691	148.777.849.376
Các khoản đầu tư tài chính	9.000.000.000	5.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	199.394.619.441	138.275.805.158
<b>Tổng cộng</b>	<b>383.337.830.132</b>	<b>292.053.654.534</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	37.313.647.689	9.859.914.353
Phải trả người bán và phải trả khác	433.410.325.525	406.512.012.576
Chi phí phải trả	750.483.276	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>471.474.456.490</b>	<b>416.371.926.929</b>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31/12/2014 do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro tỷ giá hàng hóa**

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tổng Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm 31/12/2014 như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Đô la Mỹ (USD)	403.642.832.044	168.048.549.738	151.895.697.483	132.697.245.499

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

**Quản lý rủi ro về giá**

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty chịu rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản vay gốc. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày càng sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	433.368.528.304	41.797.221	433.410.325.525
Chi phí phải trả	750.483.276	-	750.483.276
Các khoản vay	34.833.483.336	2.480.164.353	37.313.647.689
01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	406.500.215.355	11.797.221	406.512.012.576

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Các khoản vay 7.379.750.000 2.480.164.353 9.859.914.353  
Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	174.943.210.691	-	174.943.210.691
Các khoản đầu tư tài chính	4.000.000.000	5.000.000.000	9.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	199.394.619.441	-	199.394.619.441
01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	148.777.849.376	-	148.777.849.376
Các khoản đầu tư tài chính	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	138.275.805.158	-	138.275.805.158

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

**28. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	Năm 2014 VND
Lỗi đánh giá lại số dư cuối kỳ của khoản vay	211.271.557
Lỗi chênh lệch tỷ giá khoản vay phát sinh trong kỳ	840.197.492
Lãi nhập gốc chi đầu tư vào công ty liên kết	459.802.000

**VII. Những thông tin khác**

**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

**2. Thông tin về các bên liên quan**

**2.1 Giao dịch với các bên liên quan**

	Quan hệ với Tổng Công ty	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Doanh thu</b>			
Bán hàng cho Công ty TNHH May và Thương Mại Việt Thành	Công ty liên kết	2.295.227.075	1.212.539.954
Bán hàng cho Công ty TNHH May Hưng Nhân	Công ty liên kết	9.968.006.759	7.607.818.355

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Bán hàng cho Công ty CP SX - TM và đầu tư Việt Thanh	Công ty liên kết	398.056.885	8.268.428.355
Bán hàng cho Công ty Cổ phần Thời trang Phát triển cao	Công ty liên kết	5.786.946.816	3.864.928.845
Bán hàng cho công ty TNHH May Đức Giang	Công ty con	18.023.929.799	16.180.627.133
Bán hàng Công ty CP Thương mại và đầu tư Đức Giang	Công ty liên kết	60.876.716.198	72.704.082.558
Bán hàng Công ty May Đức Hạnh	Công ty liên kết	2.506.613.787	2.662.406.528
<b>Mua hàng</b>			
Mua hàng của Công ty TNHH May Hưng Nhân	Công ty liên kết	238.855.150.146	37.054.433.762
Mua hàng của Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành	Công ty liên kết	101.428.450.242	93.346.965.538
Mua hàng của Công ty Công ty CP SX - TM và Đầu tư Việt Thanh	Công ty liên kết	45.651.836.082	50.767.523.113
Mua hàng của Công ty Cổ phần Thời trang Phát triển cao	Công ty liên kết	82.724.793.458	60.736.917.752
Mua hàng của Công ty TNHH May Đức Giang	Công ty con	272.515.369.105	222.820.312.327
Mua hàng Công ty CP Thương mại và đầu tư Đức Giang	Công ty liên kết	5.062.823.300	1.272.680.439
Mua hàng Công ty CP May Đức Hạnh	Công ty liên kết	51.093.511.909	35.334.627.644

**2. Thu nhập Ban giám đốc được hưởng trong năm**

Năm 2014

VND

Lương	2.203.059.711
Tiền thưởng	857.413.671
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.060.473.382</b>

**2.2 Số dư với các bên liên quan**

**Quan hệ với Tổng Công ty**

31/12/2014  
VND

01/01/2014  
VND

**Các khoản phải trả**

Công ty CP Thời Trang Phát triển Cao	Công ty liên kết	13.813.070.610	4.893.107.547
Công ty CP SX - TM và đầu tư Việt Thanh	Công ty liên kết	2.972.637.652	6.441.014.079
Công ty TNHH May và TM Việt Thành	Công ty liên kết	35.651.292.450	41.414.123.824
Công ty TNHH May Hưng Nhân	Công ty liên kết	77.740.073.269	92.383.393.433
Công ty TNHH May Đức Giang	Công ty con	67.782.493.168	65.906.134.998

**Các khoản phải thu**

Công ty Cổ phần May Đức Hạnh	Công ty liên kết	-	3.292.061.941
Công ty CP Thời trang Phát triển Cao	Công ty liên kết	151.356.585	-
Công ty TNHH May và TM Việt Thành	Công ty con	361.808.571	-
Công ty TNHH May Hưng Nhân	Công ty liên kết	1.362.997.724	1.564.359.768
Công ty CP Thương mại và Đầu tư Đức Giang	Công ty liên kết	60.769.010.124	46.013.962.809
Công ty TNHH May và TM Việt Thành	Công ty liên kết	27.342.600	27.342.600

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

**3. Những thông tin khác**

**3.1 Phải thu của khách hàng**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Xây dựng số 1 - TNHH MTV	2.543.240.130	4.645.637.880
Công ty TNHH TM & DV DTSC	269.716.896	569.716.896
Sumikin Busan Corporation	-	257.138.073
The Levy Group Inc	28.163.488.068	35.268.952.711
Textyle	-	3.002.680.469
Bugati GMBH	-	315.759.416
Hlfashion	1.026.305.805	896.996.672
Công ty CP TM và ĐT Đức Giang	60.769.010.124	46.013.962.809
Công ty CP Đầu tư đô thị và KCN Sông Đà 7	1.494.127.000	-
Công ty CP TV công nghệ, TB & KD XD - Coninco	1.039.148.250	-
Bưu điện TP. Hồ Chí Minh - CN Tổng công ty	1.345.733.568	-
Chung mo Ltd	5.817.019.280	-
E.land Intl Fashion (Shanghai) Co., ltd	2.198.742.655	-
International Direct Group Inc	28.397.692.694	-
New M Inc (Korea)	20.612.219.181	-
Các đối tượng khác	36.996.286.625	37.877.873.801
<b>Tổng cộng</b>	<b>190.672.730.276</b>	<b>128.848.718.727</b>

**3.2 Trả trước cho người bán**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty CP Mỹ Nghệ XNK Hà Nội	-	803.509.000
Công ty Cổ phần Kiến Trúc và Nội Thất An Phú	1.029.773.000	-
Nguyễn Thu Hương	594.951.000	-
Công ty TNHH Như ư	580.787.300	-
Công ty CP Năng lượng Khoa Đô	564.114.047	-
New M inc	2.555.145.976	-
Công ty CP May Đức Hạnh	14.723.183.357	3.292.061.941
Các đối tượng khác	308.474.507	590.039.687
<b>Tổng cộng</b>	<b>20.356.429.187</b>	<b>4.685.610.628</b>

**3.3 Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	-	5.000.000
Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	97.354.895	6.340.082.506
<b>Tổng cộng</b>	<b>97.354.895</b>	<b>6.345.082.506</b>

**3.4 Phải trả người bán**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH May Đức Giang	67.782.493.168	65.906.134.998
The Levy Group Inc	89.071.305.012	71.937.284.083

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Công ty CP Thời Trang Phát triển Cao	13.813.070.610	4.893.107.547
Công ty CP Sản xuất - Thương mại và đầu tư Việt Thanh	2.972.637.652	6.441.014.079
Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành	35.651.292.450	41.414.123.824
Công ty TNHH May Hưng Nhân	77.740.073.269	92.383.393.433
V Dragon Company Pte Ltd	3.204.750.000	3.162.300.000
Chi nhánh Công ty TNHH Coats Phong Phú	984.160.642	1.842.019.601
Chung mo LTD	24.728.772.259	20.729.085.844
E.lan Co., Ltd	6.100.937.056	19.033.433.599
Các đối tượng khác	108.144.571.059	75.833.658.346
<b>Tổng cộng</b>	<b>430.194.063.177</b>	<b>403.575.555.354</b>

**3.5 Người mua trả tiền trước**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Seiden (overseas) Limited	-	7.452.128.817
Prominent Apparenl Limited (Itochu)	-	1.363.494.372
Pierre cardin - Ahner	4.082.438.410	3.797.398.623
Công ty Kiwon	48.530.764	48.530.764
Charming Enterprises Ltd	2.719.114.495	-
T and T Garment Trading	-	4.495.934.038
Brinkmann Gmbh	2.255.113.258	2.401.432.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển BĐS Hudland	-	2.401.432.000
Textyle	2.651.118.912	-
Gate one	699.365.203	-
Gerry Webber	618.748.900	-
Assmara International Ltd	367.748.226	-
Green Lite	100.383.061	-
Punto FA. S.L	329.178.354	-
Các đối tượng khác	565.243.453	225.227.645
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.436.983.036</b>	<b>22.185.578.259</b>

**3.6 Phải trả dài hạn khác**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền đại lý ký quỹ	41.797.221	11.797.221
<b>Tổng cộng</b>	<b>41.797.221</b>	<b>11.797.221</b>

**3.7 Chi phí bán hàng**

	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	2.721.488.504	2.805.424.394
Chi phí vật liệu, bao bì	2.088.916.280	1.460.709.514
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	348.815.038	79.081.438
Chi phí khấu hao TSCĐ	738.799.136	82.656.613
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.792.415.431	19.472.755.463



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Chi phí bằng tiền khác	14.256.759.037	15.764.531.478
<b>Tổng cộng</b>	<b>39.947.193.426</b>	<b>39.665.158.900</b>
<b>3.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	43.368.560.082	32.816.030.799
Chi phí đồ dùng văn phòng	317.483.796	397.793.007
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.445.584.113	981.793.475
Thuế, phí và lệ phí	6.903.431.158	3.007.412.782
Chi phí dự phòng	676.507.130	258.301.120
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.922.404.281	4.048.323.487
Chi phí bằng tiền khác	5.368.284.696	6.848.801.112
<b>Tổng cộng</b>	<b>65.002.255.256</b>	<b>48.358.455.782</b>
<b>3.9 Thu nhập khác</b>	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu từ thanh lý TSCĐ	254.090.908	3.272.727
Thu nhập từ thưởng hợp đồng	-	726.460.590
Phạt hợp đồng	698.045.598	90.936.812
Xử lý công nợ	35.814.074	179.622.941
Thu nhập khác	43.298.795	212.675.762
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.031.249.375</b>	<b>1.212.968.832</b>
<b>3.10 Chi phí khác</b>	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí từ xử lý nợ phải thu, phải trả	539.564	-
Phạt do vi phạm hợp đồng	-	648.855.881
<b>Tổng cộng</b>	<b>539.564</b>	<b>648.855.881</b>

**3. Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2013 của Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2015

**TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Người lập

Trưởng phòng kế toán

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Vân Oanh

Đinh Đức Hải

Phạm Tiến Lâm